

Bản án số: 41/2025/HS-PT
Ngày: 20-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn V. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2024/HS-ST ngày 24-12-2024 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Văn V, sinh năm 1980, tại Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); bị cáo có vợ và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Ông Trần Đình C1, sinh năm 1967; nơi thường trú: Thôn T, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội, nơi tạm trú: số H L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Minh P – Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Phạm Tiến Thiên T và bà Trần Thị Hải Y – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Thiên T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, ông T có mặt, bà Y vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 21/3/2024 ông Trần Đình D, tổ chức tiệc đám giỗ tại nhà ở ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Khách mời gồm có bị cáo Nguyễn Văn V, bị hại Trần Đình C1 (anh trai ông Trần Đình D) và một số người khác. Trong lúc ăn uống thì giữa bị cáo và bị hại xảy ra mâu thuẫn nên bị cáo cầm một ly thủy tinh (ly dùng để uống bia trên bàn) đánh vào mặt bên trái ông C1 gây thương tích. Thấy ông C1 bị đánh nên Trần Đình T1 (là cháu ông C1) cầm một cái ghế bằng kim loại đánh lại bị cáo một cái trúng vào vùng đầu nhưng không gây thương tích. Sau đó bị cáo V bỏ chạy và đi về nhà, còn ông C1 được mọi người đưa đi cấp cứu điều trị tại bệnh viện Đ và Bệnh viện Mắt Thành phố H, đến ngày 27/3/2024 thì xuất viện.

Ngày 08/4/2024, ông Trần Đình C1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án và giám định thương tích gửi đến Cơ quan Công an.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên cơ thể sống số 275/2024/KLGD-TTPY ngày 14/5/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận thương tích của ông Trần Đình C1 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Vết thương mi trên mắt trái 4 x 0,1 cm, vết thương da góc ngoài khoe mắt trái 3 x 0,2 cm, 02 vết thương má trái 4,4 x 0,2 cm và 5 x 0,2 cm, mẻ xương gò má trái, sẹo lành.

- Chấn thương mắt trái: Rách giác mạc, kết mạc vị trí 3 giờ, đã phẫu thuật khâu giác mạc, sẹo lành. Hiện tại thị lực mắt phải là 5/10, thị lực mắt trái là 5/10.

- Vết thương ngón III bàn tay trái 0,5 x 0,2 cm, sẹo lành.

2. Kết luận:

2.1 Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của: Trần Đình C1 tại thời điểm giám định là: 29%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2 Kết luận khác:

* Cơ chế hình thành thương tích:

- 04 vết thương vùng mi mắt – má trái, rách giác mạc, kết mạc mắt trái vết thương ngón III bàn tay trái: Các vết sẹo bờ tương đối gọn, khả năng do vật tày có cạnh sắc gây ra.

Đối với hành vi của Trần Đình T1 đánh bị cáo Nguyễn Văn V nhưng không gây thương tích, đồng thời V cũng không yêu cầu giám định thương tích và xử lý trách nhiệm hình sự nên không đề cập giải quyết. Riêng Nguyễn Văn T2 hiện không có mặt tại nơi cư trú nên khi nào làm việc được sẽ xử lý hành chính theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Trần Đình C1 yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 992.000.000 đồng gồm chi phí điều trị thương tích; tổn thất tinh thần; tiền công thu nhập do phải nghỉ làm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2024/HS-ST ngày 24-12-2024, của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, được khấu trừ vào 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng mà bị cáo đã giao cho bị hại theo biên nhận ngày 10/12/2024 và 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền khắc phục hậu quả mà bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001977 ngày 21/10/2024 và Biên lai thu tiền số 0001980 ngày 17/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2024, bị hại Trần Đình C1, kháng cáo tăng hình phạt; tăng mức bồi thường đối với bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại là ông Trần Đình C1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt; tăng mức bồi thường đối với bị cáo; Đơn kháng cáo của bị hại trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xét xử phúc thẩm; tại cấp phúc thẩm bị cáo; bị hại không cung cấp thêm tình tiết nào mới; xét thấy mức hình phạt mà Tòa án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp; về phần trách nhiệm dân sự; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại đã thỏa thuận thống nhất số tiền bồi thường; do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất với tội danh mà bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo; tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp

dụng đối với bị cáo là nặng; do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về phần trách nhiệm dân sự bị hại và bị cáo đã thỏa thuận và thống nhất số tiền bồi thường nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thống nhất với phần trình bày của người bào chữa, không tham gia tranh luận bổ sung gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: về hình phạt đối với bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nhẹ chưa tương xứng với tỉ lệ thương tích của bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng tăng mức án cho phù hợp; về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 983.930.754 đồng gồm chi phí cấp cứu, khám chữa, thuốc men điều trị vết thương là 26.930.754 đồng; chi phí ăn uống bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 60.000.000 đồng; chi phí thuê kho 210.000.000 đồng; chi phí thuê người giúp việc 42.000.000 đồng; chi phí thuê người trông coi kho bãi 60.000.000 đồng; thu nhập bị giảm sút trong thời gian điều trị 180.000.000 đồng; chi phí thẩm mỹ 300.000.000 đồng; chi phí tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng; chi phí thuê xe 25.000.000 đồng, đây là các khoản chi phí hợp lý đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với sự thỏa thuận mức bồi thường tại tòa sơ thẩm là do bị hại ngộ nhận, hiểu nhầm; do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt nên không tham gia tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 21/3/202, tại nhà ông Trần Đình D, ở ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ, bị cáo dùng ly thủy tinh đánh vào má trái của bị hại gây thương tích;

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên cơ thể sống số 275/2024/KLGD-TTPY ngày 14/5/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận thương tích của ông Trần Đình C1 như sau:

Các kết quả chính:

- Vết thương mi trên mắt trái 4 x 0,1 cm, vết thương da góc ngoài khóe mắt trái 3 x 0,2 cm, 02 vết thương má trái 4,4 x 0,2 cm và 5 x 0,2 cm, mẻ xương gò má trái, sẹo lành.

- Chấn thương mắt trái: Rách giác mạc, kết mạc vị trí 3 giờ, đã phẫu thuật khâu giác mạc, sẹo lành. Hiện tại thị lực mắt phải là 5/10, thị lực mắt trái là 5/10.

- Vết thương ngón III bàn tay trái 0,5 x 0,2 cm, sẹo lành.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của: Trần Đình C1 tại thời điểm giám định là: 29%.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương; về nhận thức, bị cáo biết gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Trần Đình C1 với nội dung tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức trách nhiệm bồi thường dân sự với số tiền 833.000.000 (tám trăm ba mươi ba triệu) đồng.

Về trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt; mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, nên kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Đình C1 yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 833.000.000 (tám trăm ba mươi ba triệu) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa án cấp sơ thẩm giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất số tiền bồi thường; phù hợp với các khoản chi phí hợp lý (nằm viện điều trị 02 ngày); bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường trong đó gồm các khoản tiền thuê kho; người trông giữ kho; người giúp việc ... là các khoản không phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại không cung cấp thêm tình tiết nào mới. Do đó, kháng cáo của bị hại về tăng mức bồi thường là không có cơ sở chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trần Đình C1 tổng số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, được khấu trừ vào

50.000.000 (năm mươi triệu) đồng bị hại đã nhận trước đây (theo biên nhận ngày 10/12/2024) và số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D (theo các Biên lai thu tiền số 0001977 ngày 21/10/2024 và Biên lai thu tiền số 0001980 ngày 17/12/2024); bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp do bị cáo không có kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận .

[7] Ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là không có cơ sở nên không được chấp nhận

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo, bị hại không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp yêu cầu kháng cáo của bị hại Trần Đình C1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2024/HS-ST ngày 24-12-2024, của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bị hại Trần Đình C1 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Bị hại Trần Đình C1 được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương để nhận số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà bị cáo đã nộp (theo các Biên lai thu tiền số 0001977 ngày 21/10/2024 và Biên lai

thu tiền số 0001980 ngày 17/12/2024) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo, bị hại không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện D (02);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (02);
- Bị cáo (01);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, LNH, 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Văn Lộc